xTÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-PT
Ngày: 9-9-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Bà Vũ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị B; Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã M, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ tạm trú: Tổ X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình Thu - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị Y; Địa chỉ: Số nhà Y, tổ Z, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

Ông Lê Thanh H; Địa chỉ: Bản C, xã M, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Lê Thanh H: Bà Hà Thị B; Nơi ĐKTT: Bản C, xã M, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Địa chỉ tạm trú: Tổ X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2022). Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Số nhà A, ngõ B, thôn C1, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4.2. Chị Lê Thuỳ D; Địa chỉ: Phố X, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

5. Người làm chứng: Ông Nguyễn Mạnh H (tên thường gọi: Nguyễn Mạnh H) - Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lưu Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2021 và lời khai nguyên đơn bà Hà Thị B trình bày:***

Bà Hà Thị B và bà Lưu Thị Y có quen biết nhau từ trước, do bà B cần tiền để nộp thi hành bản án của Tòa án và chi phí theo kiện giám đốc thẩm, nên từ ngày 25/5/2017 đến ngày 30/7/2017 bà Bđã vay của bà Y tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng, lãi suất là 1.500 đồng/1 triệu/ 1 ngày; gốc đến hạn không trả được thì tính lãi theo mức lãi xuất cầm đồ là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Bà B và bà Y có ký kết 03 hợp đồng vay và bà Y đã giao cho bà B số tiền vay từng lần như sau:

- Ngày 25/5/2017 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ 02 đến 03 tháng (từ ngày 25/5/2017 đến ngày 25/8/2017).

- Ngày 13/6/2017 vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 02 đến 03 tháng (từ ngày 13/6/2017 đến ngày 13/9/2017).

- Ngày 30/7/2017 vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng (từ ngày 30/7/2017 đến ngày 30/9/2017).

Quá hạn trả nợ, đến ngày 07/12/2017 bà B mới trả cho bà Y tổng số tiền là 3.569.200.000 đồng; trong đó tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi là 1.069.200.000 đồng. Cùng ngày trả, hai bên có làm biên bản thanh lý 03 hợp đồng vay tiền trên; bà B trực tiếp trả tiền cho bà Y bằng chuyển khoản chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 theo ủy nhiệm chi ngày 07/12/2017, còn lại là trả bằng tiền mặt.

Trước khi vay tiền của bà Y thì bà B, ông H, bà H, chị D có thỏa thuận cử bà B đại diện đứng ra vay tiền của bà Y để thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 04 ngày 21/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên. Bà Bcho rằng bà Y biết việc bà B vay tiền hộ ông H, bà H, chị D nhưng bà B không có chứng

cứ chứng minh việc này. Nguồn tiền trả cho bà Y là tiền chung của bà B và chồng là ông H, ngoài ra còn có tiền của bà H và chị D.

Khi trả gốc và lãi cho bà Y, bà Bkhông biết việc bà Y cho vay với lãi suất là 3.000đồng /1 triệu/1 ngày là trái pháp luật nên bà B vẫn trả bà Y theo thoả thuận, sau này bà Bmới biết pháp luật quy định lãi suất cho vay không vượt quá 20%/năm. Vậy bà B đã trả lãi cho bà Y vượt quá mức lãi suất giới hạn, cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ 1: Gốc là 300.000.000đ; lãi bà B đã trả cho bà Y tính từ ngày 25/5/2017 đến ngày 07/12/2017 là 196 ngày, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày là 176.400.000 đồng; tiền lãi mà bà B phải trả cho bà Y theo quy định của pháp luật (20%/năm, tương đương 0,05%/ngày) là: 300.000.000đ x 0,05% x 196 ngày = 29.400.000 đồng. Vậy, phần lãi bà Btrả cho bà Y vượt quá quy định của pháp luật (20%/năm) là: 176.400.000 đồng - 29.400.000 đồng = 147.000.000 đồng.

Hợp đồng thứ 2: Gốc là 200.000.000đ; lãi bà B đã trả cho bà Y tính từ 13/6/2017 đến ngày 07/12/2017 là 178 ngày, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày là 106.800.000 đồng; tiền lãi mà bà Bphải trả cho bà Y theo quy định của pháp luật (20%/năm, tương đương 0,05%/ngày) là: 200.000.000đ x 0,05% x 178 ngày = 17.800.000 đồng. Vậy, phần lãi bà Btrả cho bà Y vượt quá quy định của pháp luật (20%/năm) là: 106.800.000 đồng - 17.800.000 đồng = 89.000.000 đồng.

Hợp đồng thứ 3: Gốc là 2.000.000.000đ; lãi bà B đã trả cho bà Y tính từ ngày 30/7/2017 đến ngày 07/12/2017 là 131 ngày, với mức lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày là 786.000.000 đồng; tiền lãi mà bà Bphải trả cho bà Y theo quy định của pháp luật (20%/năm, tương đương 0,05%/ngày) là: 2.000.000.000đ x 0,05% x 131 ngày = 131.000.000 đồng. Vậy, phần lãi bà B trả cho bà Y vượt quá quy định của pháp luật (20%/năm) là: 786.000.000 đồng - 131.000.000 đồng = 655.000.000 đồng.

Vậy, tổng số tiền mà bà B trả cho bà Y vượt quá quy định của pháp luật là: 147.000.000 đồng + 89.000.000 đồng + 655.000.000 đồng = 891.000.000 đồng.

Do lãi suất theo thoả thuận vượt quá lãi suất giới hạn nên bà Byêu cầu Toà án buộc bà Y có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 891.000.000 đồng (tám trăm chín mươi mốt triệu đồng); Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Y không trả cho Bấy số tiền 891.000.000 đồng thì bà Y phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Bà B có chồng là ông Lê Thanh H, bà B vay tiền bà Y sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng, nguồn tiền để trả cho bà Y là tiền chung của bà B và ông H nên bà yêu cầu bà Y trả cho bà B và ông H số tiền là 891.000.000 đồng, trong đó trả cho bà B là 445.500.000 đồng, trả cho ông H là 445.500.000 đồng.

**** Bị đơn bà Lưu Thị Y trình bày:***

Bà Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B. Giữa bà Y và bà B có ký kết các hợp đồng vay tiền, ngày 25/5/2017, ngày 13/6/2017, ngày 30/7/2017 và Biên bản thanh lý hợp đồng vay tiền ngày 07/12/2017 hay không bà Y không nhớ. Chữ viết và chữ ký dưới phần Đại diện bên A trong các hợp đồng vay tiền và Biên bản thanh lý hợp đồng trên không phải là chữ viết, chữ ký của bà Y. Nếu có việc bà Y cho bà B vay tiền thì mức lãi suất là 1.500/1 triệu/1 ngày theo văn bản thoả thuận giữa bà Y và bà B ngày 30/7/2017. Bà Y xin vắng mặt tất cả các buổi hoà giải, đối chất và xét xử vụ án.

Bà Y không đồng ý với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự vì chữ viết và chữ ký dưới phần Đại diện bên A trong các hợp đồng vay tiền và Biên bản thanh lý hợp đồng trên không phải là chữ viết, chữ ký của bà Y. Ngày 08/3/2023 bà Y có đơn đề nghị Toà án trưng cầu giám định lại chữ viết, chữ ký của bà tại 03 hợp đồng vay tiền và 01 biên bản thanh lý hợp đồng trên tuy nhiên bà Y không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo của Toà án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H có đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Ông H đồng ý với lời trình bày của bà B không có ý kiến khác và đề nghị Toà án buộc bà Y trả cho bà B và ông H số tiền là 891.000.000 đồng, trong đó trả cho bà B là 445.500.000 đồng, trả cho ông H là 445.500.000 đồng.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thuỳ D trình bày:

Do cần tiền để nộp tiền án phí, tiền phí, lệ phí của Bản án số 04/2016/DS-PT ngày 21/11/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên và các chi phí theo kiện, nhưng chị D không có tiền nên có nhờ bà B đứng ra vay tiền của bà Y hộ chị D. Việc chị D nhờ bà Bvay tiền của bà Y giúp, bà Y không biết. Chị D không phải là người trực tiếp vay tiền của bà Y, cũng không trực tiếp trả tiền cho bà Y.

Tại đơn đề nghị đề ngày 24/12/2022, chị D yêu cầu Toà án xem xét cho chị D được nhận lại số tiền lãi đã trả vượt quá quy định của pháp luật mà chị D đã trả cho bà Bẩy, để bà B trả cho bà Y vào ngày 07/12/2017 là 68.967.817 đồng. Tại Văn bản nêu ý kiến đề ngày 26/02/2023, chị D thay đổi yêu cầu của mình, cụ thể: Yêu cầu Toà án buộc bà Lưu Thị Y phải trả cho chị D số tiền là 68.967.817 đồng trong số tiền 891.000.000 đồng mà bà Byêu cầu bà Y trả cho bà Bẩy. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị đề ngày 14/3/2023 chị D rút yêu cầu buộc bà Lưu Thị Y phải trả cho chị D số tiền là 68.967.817 đồng trong số tiền 891.000.000 đồng mà bà B yêu cầu bà Y trả cho bà Bẩy. Ngoài ra chị D không có yêu cầu nào khác.

6. Người làm chứng ông Nguyễn Mạnh H trình bày: Ông H là người kinh doanh quán phô tô coppy. Bà B có thuê ông H đánh máy nhiều văn bản khác nhau, trong đó có thuê đánh máy 03 hợp đồng vay tiền giữa bà B và bà Y

ngày 25/5/2017, ngày 13/6/2017, ngày 30/7/2017 và 01 Biên bản thanh lý hợp đồng vay tiền ngày 07/12/2017. Ông H không liên quan đến việc vay tiền giữa bà B và bà Y.

7. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lê Đình Thu trình bày:

Việc vay tiền giữa bà B và bà Y thể hiện tại 03 hợp đồng vay tiền giữa bà B và bà Y. Ngày 07/12/2017, bà B đã trả cả gốc và lãi cho bà Y thể hiện tại Biên bản thanh lý hợp đồng. Việc vay và trả tiền giữa bà B và bà Y là thực tế. Mặc dù bà Y không thừa nhận việc cho bà B vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày nhưng tại văn bản trả lời kết quả giám định thể hiện chữ viết, chữ ký của tại mục bên cho vay là của bà Y. Văn bản thỏa thuận ngày 30/7/2017 không liên quan gì đến 03 hợp đồng vay tiền và biên bản thanh lý hợp đồng giữa bà B và bà Y. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B.

Buộc bị đơn bà Lưu Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị B và ông Lê Thanh H số tiền là 823.282.191 (tám trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng) đồng, trong đó, trả cho bà Blà 411.641.095 (bốn trăm mười một triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi lăm đồng) đồng, trả cho ông H là 411.641.095 (bốn trăm mười một triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm chín mươi lăm đồng) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Hà Thị B và ông Lê Thanh H.

Bà Lưu Thị Y phải chịu 36.698.465 (ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu của bà Hà Thị B được Tòa án chấp nhận.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, bị đơn bà Lưu Thị Y kháng cáo theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị B; Ngày 31/8/2023, bà Y có đơn thay đổi kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B về việc buộc bà Y phải trả lại tiền cho cả ông H đối với khoản vay nợ giữa bà Bvà bà Y.

* Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp phúc thẩm, bà Y trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/7/2023: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Y phải trả lại số tiền 823.282.191 đồng là tiền lãi vượt quá theo quy định của pháp luật cho hai vợ chồng ông bà Hồng, Bẩy là không đúng, bởi khi gặp khó khăn một mình bà Bđến van nài bà Y để vay tiền, những lần như vậy chỉ có một mình bà Bđến vay bà Y, không có ông H đi cùng hoặc cũng không có việc ông H đến vay tiền bà Y lần nào. Do vậy, nếu theo quy định của pháp luật buộc bà Y phải trả lại số tiền lãi vượt quá của 03 hợp đồng vay giữa bà Bvà bà Y thì bà Y chỉ trả cho một mình bà Bchứ bà Y không có nghĩa vụ phải trả cho ông H ½ số tiền trên. Bị đơn bà Lưu Thị Y vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo ngày 31/8/2023 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Hà Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hà Thị B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng các quy định tại điểm b, khoản 5 điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng các quy định tại Điều 213và khoản 1, điều 219 Bộ luật Dân sự, Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án:**

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán được phân công đã thực hiện việc Thông báo cho các đương sự, Viện kiểm sát theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Bản án dân sự sơ thẩm có sai sót trong việc tính toán nghĩa vụ trả tiền của bà Y cho bà B và ông H, cũng từ đó có sai sót trong việc xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của bà Y, nên cần sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng: Bà Y có nghĩa vụ trả lại cho bà B và ông H số tiền lãi vượt quá là 820.900.387 đồng, mỗi người được nhận lại 410.450.194 đồng; Bà Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.627.011 đồng. Các phần khác của Bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng pháp luật nên cần được giữ nguyên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng như đã nêu trên.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 của UBTVQH:

Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ người tham gia tố tụng, việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy địnhcủa Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H tham gia tố tụng với bên nguyên đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Lê Thùy Dung có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B:

- Đối với yêu cầu trả lại 891.000.000 đồng tiền lãi của bà B:

Các hợp đồng vay tiền giữa bà Y và bà B vào các ngày ngày 25/5/2017, ngày 13/6/2017, 30/7/2017 và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 07/12/2017 đều có chữ ký của bà Y ở bên đại diện bên A (bên cho vay). Bà Y không nhớ mình có ký vào các hợp đồng vay tiền và biên bản thanh lý hợp đồng mà bà B cung cấp cho Tòa án hay không, nhưng kết quả giám định tại công văn số 1288/KL-KTHS ngày 28/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên thể hiện: Chữ ký, chữ viết đứng tên Lưu Thị Y trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người ký, viết ra. Như vậy, có cơ sở để xác định bà Y có cho bà B vay số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng và khi thanh lý hợp đồng đã bà Bđã trả cho bà Y toàn bộ tiền gốc và 1.069.200.000 đồng tiền lãi với mức lãi xuất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày kể từ ngày vay.

Ba hợp đồng vay đều thể hiện: Lãi xuất vay là 1.500 đồng/1 triệu/1 ngày, lãi xuất quá hạn trên nợ gốc là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày; mức lãi xuất này vượt quá 20%/năm theo Điều 468 Bộ luật Dân sự và vượt quá 150% lãi suất vay

theo hợp đồng (tương ứng 30%/năm) theo Điều 466 Bộ luật Dân sự; mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất theo quy định phải được trả lại cho bên vay. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các hợp đồng vay, biên bản thanh lý hợp đồng để xác định số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi quá hạn và xác định tổng số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 823.282.191 đồng, đồng thời căn cứ điểm b khoản 5 Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bà Y phải trả cho bà Bsố tiền này là có căn cứ; số tiền khởi kiện ban đầu là 891.000.000 - 823.282.191 = 67.717.809 đồng không có căn cứ để chấp nhận. Do đó đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hà Thị B và đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà Hà Thị B là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, trong các hợp đồng vay tiền giữa bà Y và bà Bcó thỏa thuận về lãi suất chậm trả lãi (lãi trả không đúng hạn bị phạt 5%). Bởi lẽ, theo các đương sự trình bày thì mức lãi suất này được tính theo tháng, tức là 5% / tháng = 60% / năm, như vậy là vượt quá mức lãi suất chậm trả lãi được quy định tại khoản 2 Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, nên phần lãi suất vượt quá không được chấp nhận. Căn cứ vào các quy định nêu trên thì lãi suất chậm trả lãi được xác định là 10% / năm. Do đó, phần lãi chậm trả lãi mà bà Bcó nghĩa vụ phải trả cho bà Y được xác định cụ thể như sau:

- Khoản 300.000.000 đồng (vay từ 25/5/2017 đến 07/12/2017):

- Lãi đến 25/6/2017 là: 300.000.000 x 20% : 12 = 5.000.000 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 25/6/2017 đến 07/12/2017 (= 05 tháng 12 ngày) là: 5.000.000 x 10% : 12 x 5 + 5.000.000 x 10% : 365 x 12 = **224.771 đồng**.

- Lãi đến 25/7/2017 là: 300.000.000 x 20% : 12 = 5.000.000 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 25/7/2017 đến 07/12/2017 (= 04 tháng 12 ngày) là: 5.000.000 x 10% : 12 x 4 + 5.000.000 x 10% : 365 x 12 = **183.104 đồng**.

- Lãi đến 25/8/2017 là: 300.000.000 x 20% : 12 = 5.000.000 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 25/8/2017 đến 07/12/2017 (= 03 tháng 12 ngày) là: 5.000.000 x 10% : 12 x 3 + 5.000.000 x 10% : 365 x 12 = **141.437 đồng**.

- Khoản 200.000.000 đồng (vay từ 13/6/2017 đến 07/12/2017):

- Lãi đến 13/7/2017 là: 200.000.000 x 20% : 12 = 3.333.333 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 13/7/2017 đến 07/12/2017 (= 04 tháng 24 ngày) là: 3.333.333 x 10% : 12 x 4 + 3.333.333 x 10% : 365 x 24 = **133.028 đồng**.

- Lãi đến 13/8/2017 là: 200.000.000 x 20% : 12 = 3.333.333 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 13/8/2017 đến 07/12/2017 (= 03 tháng 24 ngày) là: 3.333.333 x 10% : 12 x 3 + 3.333.333 x 10% : 365 x 24 = **105.250 đồng**.

- Lãi đến 13/9/2017 là: 200.000.000 x 20% : 12 = 3.333.333 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 13/9/2017 đến 07/12/2017 (= 02 tháng 24 ngày) là: 3.333.333 x 10% : 12 x 2 + 3.333.333 x 10% : 365 x 24 = **77.472 đồng**.

- Khoản 2.000.000.000 đồng (vay từ 30/7/2017 đến 07/12/2017):

- Lãi đến 30/8/2017 là: 2.000.000.000 x 20% : 12 = 33.333.333 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 30/8/2017 đến 07/12/2017 (= 03 tháng 07 ngày) là: 33.333.333 x 10% : 12 x 3 + 33.333.333 x 10% : 365 x 7 = **897.260 đồng**.

- Lãi đến 30/9/2017 là: 2.000.000.000 x 20% : 12 = 33.333.333 đồng.

Lãi chậm trả lãi từ 30/9/2017 đến 07/12/2017 (= 02 tháng 07 ngày) là: 33.333.333 x 10% : 12 x 2 + 33.333.333 x 10% : 365 x 7 = **619.482 đồng**.

Tổng lãi chậm trả lãi: 2.381.804 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không tính toán đến phần lãi này là chưa phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Như vậy, ngoài tổng số tiền lãi mà bà B có nghĩa vụ phải trả cho bà Y (bao gồm lãi trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn) là: 40.931.507 + 24.164.384 + 180.821.918 = 245.917.809 đồng, thì bà B còn có nghĩa vụ phải trả cho bà Y số tiền lãi chậm trả lãi theo quy định của pháp luật là 2.381.804 đồng. Do đó, bà Y có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền lãi vượt quá là: 823.282.191 - 2.381.804 = 820.900.387 đồng. Do bản án sơ thẩm có sai sót trong việc tính toán nghĩa vụ trả tiền của bà Y đối với bà B nên việc xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của bà Y là chưa chính xác, nên cần sửa một phần Bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm.

- Đối với yêu cầu chia đôi khoản tiền phải trả cho vợ chồng:

Theo đơn khởi kiện thì bà B yêu cầu bà Y trả lại tiền cho bà B, nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu bà Y trả cho ông H ½ số tiền lãi vượt quá đã nhận. Xét thấy, Việc giao kết các hợp đồng vay tiền và thanh lý hợp đồng cũng như việc trả số tiền gốc và lãi cho bà Y đều do bà B thực hiện; các hợp đồng vay cũng chỉ thể hiện nghĩa vụ trả tiền là của bà Bẩy. Việc sử dụng tiền vay thế nào, cũng như việc bà B dùng khoản tiền nào để trả nợ, bà Y không thể biết. Bà Bđã thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc là lãi vay, thì việc trả lại số tiền lãi vượt quá quy định cũng phải trả cho bà Bmới đảm bảo quyền lợi của các bên. Nếu có việc dùng tài sản chung của vợ chồng để trả nợ thì cũng là việc giữa ông H và bà Bgiải quyết trong gia đình. Mặt khác, tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên và bản án số 09/2022/DS-ST ngày 27/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã quyết định bà B phải trả cho bà Y số tiền 2.586.123.889 đồng, vụ án này bà B không phản tố mà khởi kiện độc lập đòi lại tiền lãi chính mình đã trả cho bà Y của một khoản vay khác, toàn bộ các khoản tiền tại các bản án trên và cả trong vụ án này đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà B và ông H, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Y phải trả lại tiền cho cả bà B và ông H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Y khi thi hành bản án trước mà Tòa án đã phán quyết giữa hai bên, xung đột quyền và nghĩa vụ và không đảm bảo lẽ công bằng theo quy định tại khoản 3

Điều 45 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó việc bà Y kháng cáo đối với nội dung này của bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa cho bà Bvà đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu này của ông bà H, B là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị Y, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Hà Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với Phần yêu cầu không được Toà án chấp nhận nhưng do nguyên đơn là cá nhân thuộc hộ nghèo và đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Btheo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Y có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền lãi vượt quá là 820.900.387 đồng nên Bà Y phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.627.011 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lưu Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phần còn lại của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị Y.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 45; Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B.

Buộc bị đơn bà Lưu Thị Y có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị B số tiền

820.900.387 đồng *(tám trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn ba trăm tám mươi bẩy)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị B về việc yêu cầu bị đơn bà Lưu Thị Y có nghĩa vụ trả lại cho bà Bvà ông H mỗi người ½ số tiền lãi vượt quá đã nhận.

3. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Hà Thị B.

Bà Lưu Thị Y phải chịu 36.627.011 (ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn không trăm sáu mười một) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu của bà Hà Thị B được Tòa án chấp nhận.

Bà Lưu Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002223 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 9/9/2023).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- VKSND TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- TAND TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng